

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HS-ST

Ngày: 08 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế.

2. Bà Lâm Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Dương Duy Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn D**, sinh năm 1999; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; **Chỗ ở: ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Họ và tên cha: **Trần Văn L**, sinh năm 1965 (Sống); Họ và tên mẹ: **Phạm Ngọc Đ**, sinh năm 1961 (Sống); Gia đình có 04 anh em. Bị cáo là con út trong gia đình; Vợ tên **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1995; Có 02 con cùng sinh năm 2023. Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ ngày: 09/4/2024. Tạm giam ngày: 12/4/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện L**, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn D sinh năm 1999 là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên vào khoảng 14 giờ ngày 09/4/2024, **D** thuê xe honda chở khách của một người lạ mặt đến khu vực **cầu H ở xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** gặp một người phụ nữ không biết họ tên và địa chỉ mua 01 bịch ma túy với giá 1.000.000 đồng rồi cất giữ trong túi quần phía trước đang mặc. Dừng đi đến nhà trọ 69 thuộc **ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** để sử dụng ma túy. Đến 15 giờ 50 phút cùng ngày, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh Đ** kết hợp **Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy và môi trường Công an huyện L** tiến hành kiểm tra phòng số 10 nhà trọ 69 thì bắt quả tang **Trần Văn D** đang tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 01 bịch nylon

dạng nắp kẹp có viên màu đỏ, kẹp kín, bên trong có 01 bìch nylon hàn kín chứa những hạt tinh thể rắn trong túi quần phía trước bên phải của **D** đang mặc, đã được niêm phong.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của **Trần Văn D** tại phòng số 4 **nhà trọ B** thuộc **ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 chai nhựa có nắp khoét 02 lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa, một lỗ gắn ống thủy tinh có một đầu thổi phồng hình phễu.

Tại kết luận giám định số 455/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**, kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 1 bìch nylon hàn kín, được niêm phong trong bao thư gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 1,039 gam, loại Methamphetamine. Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định được “Niêm phong số 469, ngày 09/4/2024”.

Tại biên bản xét nghiệm chất ma túy ngày 09/4/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện L** đối với **Trần Văn D**, kết quả thể hiện **Trần Văn D** dương tính với Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số: 35/CT-VKSLVo ngày 27/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo **Trần Văn D** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi của bị cáo đã gây ra; nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo **Trần Văn D** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Văn D** mức án tù 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Bị cáo **Trần Văn D** không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định được niêm phong trong bao thư, ký hiệu B, trong bao thư ghi “Niêm phong số 469, ngày 09/4/2024” có đóng dấu mộc đỏ tròn của “**Phòng K Công an tỉnh Đ**” và có các chữ ký ghi họ tên: **Trương Minh V, Võ Thị Thùy T1, Nguyễn Thành P, Trần Văn D** (theo biên bản đóng gói niêm phong và giao nhận lại đối giám định ngày 12/4/2024 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**); 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 chai nhựa có nắp bị khoét hai lỗ gắn 01 ống hút nhựa và 01 ống thủy tinh uốn cong một đầu thổi phồng hình phễu (theo biên bản khám xét ngày 09/4/2024 của Cơ quan CSĐT **Công an huyện L**, tỉnh Đồng Tháp).

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo **Trần văn D1**.

- Bị cáo **Trần Văn D** thống nhất Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám nghiệm hiện trường và Biên bản khám xét cùng ngày 09/4/2024; bị cáo không khiếu nại về kết luận giám định đối với chất ma túy, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Tại phần tranh luận: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát huyện L và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đều khẳng định hành vi được mô tả trong bản cáo trạng số: 35/CT-VKSLVo ngày 27/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định, vật chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Do nghiện ma túy nên bị cáo đã hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và bị cơ quan Công an bắt quả tang vào lúc khoảng 15 giờ 50 phút ngày 09/4/2024 tại phòng số A, nhà trọ 69 thuộc khu vực ấp V, xã V, huyện L với tổng khối lượng ma túy theo giám định là 1,039 gam loại Methamphetamine.

Do đó, đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn D đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

...

c) ..., M.... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;....”

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo bị pháp luật nghiêm cấm, là nguyên nhân dẫn đến rất nhiều loại tội phạm và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho xã hội nói riêng và cũng nhằm phòng ngừa trong toàn xã hội nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, Kiểm sát viên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung phạt bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định được niêm phong trong bao thư, ký hiệu B, trong bao thư ghi “Niêm phong số 469, ngày 09/4/2024” có đóng dấu mộc đỏ tròn của “Phòng K Công an tỉnh Đ” và có các chữ ký ghi họ tên: Trương Minh V, Võ Thị Thùy T1, Nguyễn Thành P, Trần Văn D (theo biên bản đóng gói niêm phong và giao nhận lại đối giám định ngày 12/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ); 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 chai nhựa có nắp bị khoét hai lỗ gắn 01 ống hút nhựa và 01 ống thủy tinh uốn cong một đầu thổi phồng hình phễu (theo biên bản khám xét ngày 09/4/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo Trần Văn D.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định được niêm phong trong bao thư, ký hiệu B, trong bao thư ghi “Niêm phong số 469, ngày 09/4/2024” có đóng dấu mộc đỏ tròn của “Phòng K Công an tỉnh Đ” và có các chữ ký ghi họ tên: Trương Minh V, Võ Thị Thùy T1, Nguyễn Thành P, Trần Văn D (theo biên bản đóng gói niêm phong và giao nhận lại đối giám định ngày 12/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ); 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 chai nhựa có nắp bị khoét hai lỗ gắn 01 ống hút nhựa và 01 ống thủy tinh uốn cong một đầu thổi phồng hình phễu (theo biên bản khám xét ngày 09/4/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo Trần Văn D.

(Vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/6/2024).

3. Về án phí, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Cơ quan CSĐT CA huyện L;
- Cơ quan THAHS CA huyện L;
- Nhà tạm giữ Công an huyện L;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (biết).
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VPTA (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Văn Nhựt Minh